



TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THÚC ĐẨY CẠNH TRANH - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GS.TSKH. NGUYỄN DUY GIA

Viện trưởng Viện Nghiên cứu

Kinh tế - Tài chính

Nguyên Bộ trưởng

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước

Chủ tịch Học viện

Hành chính Quốc gia

I. Ổn định chính trị - tăng trưởng kinh tế - phát triển bền vững thời kỳ hậu khủng hoảng

1. Về cuộc khủng hoảng

Xuất phát từ thực tiễn VN, chỉ số giá (CPI) tăng “tiềm tàng” từ cuối năm 2005 đầu năm 2006, khi mà nền kinh tế VN trên đà ổn định một bước về cơ cấu và nhịp độ tăng trưởng. Trạng thái này kéo dài suốt năm 2007 - do hạn chế về khả năng dự báo kinh tế quốc tế và sự nhạy bén trong điều hành kinh tế vĩ mô, lạm phát đã nặng nề thêm từ cuối quý I năm 2008 với chỉ số giá cả năm tăng khoảng 20%.

Từ đó, đã hình thành 3 cách

đánh giá khác nhau:

Thứ nhất: do chỉ đạo – điều hành tác động lên các mặt mắt cân đối vốn có của nền kinh tế.

Thứ hai: do tính chất và hậu quả của cuộc khủng hoảng làm trầm trọng thêm kinh tế vĩ mô.

Thứ ba: do điều hành chính sách và quan hệ quốc tế:

i/ Cuộc khủng hoảng này mang tính quy luật của các chu kỳ kinh tế, đặc biệt khi VN hội nhập quốc tế theo chiều sâu - khác với việc đứng ngoài của VN trong cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á 1996-1997;

ii/ Cuộc khủng hoảng này chỉ biểu hiện của sự suy giảm kinh tế có giới hạn;

iii/ Hậu khủng hoảng sẽ hình thành những nhân tố tác động tích cực để VN tái cấu trúc mặt bằng kinh tế theo hướng toàn cầu hoá và phát triển sâu rộng, nhanh chóng.

Nguyên nhân cuộc khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng có tính quốc

tế và mang tính toàn cầu. Ở VN, chịu tác động mạnh mẽ của kinh tế quốc tế và trong nước - nội lực và ngoại lực:

i/ Về nội lực: ở thời điểm phát sinh khủng hoảng, các chỉ tiêu kinh tế ở VN đều đang tăng trưởng. Do những khiếm khuyết của nền kinh tế đang phát triển, VN không đủ sức chống đỡ với những tác động kinh tế - tài chính của suy thoái toàn cầu. Mặt khác, sự thiếu nhạy bén trong điều hành kinh tế vĩ mô, trước hết là sự yếu kém của dự báo kinh tế đã đưa nền kinh tế VN vào thế bị động.

ii/ Về ngoại lực: cuộc khủng hoảng diễn ra bất nguồn từ các cường quốc kinh tế đã tác động lan tỏa và ảnh hưởng lớn trên phạm vi toàn cầu, với biểu hiện ban đầu là sự tăng đột biến giá xăng dầu, làm tăng chỉ số giá cả, tiếp sau là sự đổ vỡ của các tổ chức tài chính, tín dụng, thị trường bất động sản (Chính phủ Mỹ và EU đã phải hỗ trợ hàng chục ngàn tỷ USD), sự thu

hẹp thị trường xuất nhập khẩu, lao động, thất nghiệp bùng phát ở nhiều nước v.v.. Ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế và xuất nhập khẩu của VN, làm cho xuất khẩu giảm khoảng 20% và nhập siêu tăng 25%. Năm 2010, xuất khẩu tăng cao gấp 3 lần chỉ tiêu kế hoạch, nhập siêu giảm, giảm bớt thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế - theo đó là sự biến động tiêu cực của lạm phát, thị trường tài chính thông qua sự tăng vọt của lãi suất tín dụng, và biến động tỷ giá v.v..

Từ phân tích trên, cho thấy VN chịu áp lực rất lớn của suy thoái toàn cầu, song, tiềm lực nội sinh vẫn còn sức sống mãnh liệt và đang có cơ hội phục hồi và phát triển nhanh chóng.

2. Sách lược – chiến lược ứng phó

Chính phủ VN đã ứng phó kịp thời với những diễn tiến của cuộc suy thoái kinh tế thông qua 2 nhóm giải pháp: giải pháp trước mắt - tình thế (nhảy cào) và giải pháp cơ bản (chiến lược):

i/ Các giải pháp trước mắt - tình thế, đã được áp dụng ở đỉnh điểm của thời suy thoái bằng việc sử dụng các biện pháp để kiềm chế hiện tượng tăng vọt lãi suất tín dụng vào quý I/2008 (có lúc vay lên đến 18% và cho vay lên đến 21-24%, vượt quá lãi suất cơ bản trước đó là 8-12%) và điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Nợ chính phủ, nợ công nằm trong giới hạn an toàn. GDP tăng trưởng cả năm 6,7%. Các giải pháp này đã tỏ ra hợp thời, hợp lý và hiệu lực tức thời, góp phần kiểm soát yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến chu chuyển tiền tệ và kiềm chế lạm phát.

ii/ Các giải pháp cơ bản – chiến lược : gồm hệ thống 8 giải pháp mang tính chiến lược, đồng bộ và

toàn diện trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ VN nhằm thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát. Kinh tế vĩ mô lành mạnh. Các yếu tố bù đắp thiếu hụt cán cân thương mại: FDI, Kiều hối, nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài...v.v., đi liền với hạ thấp dự trữ bắt buộc, giảm lãi suất, điều chỉnh tỷ giá hối đoái và giữ tỷ giá ở mức an toàn...v.v.. Theo đánh giá của Kinh tế trưởng WB tại VN : ... dòng vốn vào vẫn mạnh mẽ, trong bối cảnh tăng trưởng cầu yếu, đối mặt với cân bằng dòng vốn chảy vào lớn, đặc biệt đầu tư trực tiếp nước ngoài, với sự đảm bảo tính cạnh tranh, ổn định tài chính và lạm phát thấp.

Tác động đến đời sống kinh tế - xã hội là to lớn, mặt tích cực là chủ yếu, thúc đẩy theo xu hướng lành mạnh và phát triển, thực tiễn đã chứng minh tính đúng đắn của nó và có thể nói, đó là cơ sở quan trọng để từng bước phục hồi mạnh mẽ nền kinh tế VN.

Nhờ vào những giải pháp trên, nền kinh tế VN tăng trưởng khá cao, nằm trong số 22 nước có tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu.

3. Phục hồi sau khủng hoảng

Sau hơn 1 năm chống đỡ với suy giảm kinh tế - nền kinh tế VN đang có dấu hiệu phục hồi từ cuối năm 2009 và bước vào năm 2010.

Mặc dù còn không ít khó khăn, thách thức, nhưng VN có thể chủ động nhanh chóng khắc phục để thực hiện mục tiêu phục hồi kinh tế và đi đến phát triển kinh tế bền vững thời hậu khủng hoảng.

Từ đầu năm 2009, đã dự đoán phục hồi kinh tế VN sẽ qua 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: là thời kỳ khởi đầu của phục hồi kinh tế - diễn ra

từ cuối năm 2009 và 2010 – GDP tăng trưởng 6,7%.

Giai đoạn 2: bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, từ cuối 2010 và 2011; đồng thời cũng là thời điểm tất yếu phải tái cấu trúc kinh tế - tài chính VN trên cơ sở bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu đạt tăng trưởng nhanh và bền vững.

Trong 5 năm đến 2011 - 2015, GDP tăng trưởng bình quân 7-7,5%/năm, xuất khẩu tăng 12%/năm, kiểm soát nhập siêu đến 2015 < 15%, giảm bội chi ngân sách < 4,5-5% bình quân năm, CPI 7% bình quân năm, nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giữ mức an toàn.

Tóm lại, VN vượt qua năm 2008 – 2010 khá thành công dù phải đối phó với 2 cú sốc nội sinh và ngoại lực:

- Mau chóng vượt qua giai đoạn khó khăn và lèo lái nền kinh tế khá tốt. Chính ý thức một cách rõ ràng những rủi ro gây ra nên đã áp dụng các giải pháp thích ứng.

- Cần có biện pháp quản lý nguồn vốn vào, tránh rủi ro cho nền kinh tế và nâng cao hiệu quả phát triển.

II. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thúc đẩy cạnh tranh – phát triển

A. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Thế giới nhiều bất ổn – khó khăn cho VN

Chính phủ Ireland chấp nhận gói cứu trợ nợ công lên tới gần 100 tỷ Euro từ Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Liên minh châu Âu (EU);

Khủng hoảng nợ công châu Âu, từ Ireland lan sang các nước có tình trạng kinh tế vĩ mô yếu trong khu vực như Bồ Đào Nha (thâm hụt ngân sách 7,3% xuống 4,3% GDP vào năm sau), Tây Ban Nha (thâm

hụt ngân sách từ 11,2% xuống 3% GDP vào năm 2013);

- Tại châu Á, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc, từ kỳ vọng đất nước kéo kinh tế toàn cầu thoát nhanh khỏi suy thoái đang gặp phải khó khăn tăng trưởng GDP chậm lại, trong khi lạm phát lại tăng tới 4,4%. Ngân hàng Trung ương (NHTW) đã phải nâng lần thứ 6 tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 16% lên 20%, giá cả lương thực tăng 10%, đề ra biện pháp hành chính kiểm soát giá cả, chống đầu cơ, thắt chặt chính sách tiền tệ...vv;

- Về kinh tế Mỹ, phát hành 600 tỷ USD, về an ninh Triều Tiên, Hàn Quốc, chiến tranh Libya,...v.v..

2. VN khó khăn với lạm phát, bội chi Ngân sách và nhập siêu

- Bội chi ngân sách nhà nước lớn; chỉ số giá tiêu dùng tăng cao, cả năm có nguy cơ 2 con số - nguyên nhân chủ yếu: mở rộng cung tiền trong quá khứ, tác động giá quốc tế, bão lũ, tập quán tiêu pha, đặc biệt là chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển rất lớn v.v..

- Điều chỉnh hợp lý, giảm bớt tốc độ tăng trưởng, ưu tiên kiềm chế lạm phát.

- Giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng, điều chỉnh cơ cấu tín dụng tích cực đáp ứng nhu cầu sản xuất, xuất khẩu, tăng trưởng và quản lý v.v..

- Đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời giảm nhập siêu. Điều chỉnh linh hoạt thị trường ngoại hối, thị trường tiền tệ, lãi suất, tỷ giá v.v..

3. Thời cuộc - những nhận thức mới

Qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có thể nhận thức:

i/ Thể lực tài chính quốc tế có thể được phân chia lại. Với vai trò được nâng lên của G20: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Braxin...v.v..

Bên cạnh đó, các học thuyết của chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng cần được xem xét lại ngay cả ở trên các nước tư bản phát triển và có chăng xuất hiện trào lưu mới chủ nghĩa xã hội hiện đại, đặc biệt ở một số nước châu Mỹ La tinh.

ii/ Cải tổ hệ thống thể chế và thiết chế các tổ chức tài chính – thị trường quốc tế như các nước giàu phải nhượng lại tỷ trọng tiếng nói trong IMF cho các nền kinh tế đang trỗi dậy; cải tổ hệ thống ngân hàng, nhất là tăng cường kiểm soát, giám sát, quản lý một cách thống nhất các ngân hàng và thể chế tài chính trên toàn thế giới v.v..

iii/ Cần khẳng định rằng, lạm phát ở VN hiện nay diễn ra trong bối cảnh kinh tế phát triển theo xu thế hội nhập và tăng trưởng bền vững – mặt tích cực, nhằm xác định lại mặt bằng giá mới, mặt bằng kinh tế mới, cơ cấu kinh tế mới, thiết chế kinh tế mới, và đòi hỏi thay đổi phương thức lãnh đạo – quản lý nền kinh tế, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững theo hướng toàn cầu hoá và phải đối phó với lạm phát trước mắt.

iv/ Khi nền kinh tế được coi là có tiềm năng phát triển và tăng trưởng cao sẽ thu hút vốn đầu tư các nền kinh tế khác – dẫn đến đồng tiền tăng giá và đe dọa xuất khẩu – xấu hơn, do dư thừa vốn có thể dẫn đến nguy cơ lạm phát và đầu cơ.

Các nước Đông Á: Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, VN v.v. và các nền kinh tế tiên bộ hơn như Nhật, Hàn Quốc, Singapore..., tiếp tục là khu vực có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao nhất. Tỷ lệ tăng trưởng đó sẽ là nguyên nhân khiến:

i/ Tỷ giá hối đoái của các đơn vị tiền tệ trong khu vực có khuynh hướng tiếp tục gia tăng;

ii/ Kiểm chế tình trạng phá

giá tiền tệ để tăng khả năng cạnh tranh;

iii/ Vấn đề quan trọng để thị trường quyết định tỷ giá hối đoái;

iv/ Tăng cường hợp tác đa phương để thực hiện chính sách nhằm giảm tình trạng mất cân đối thương mại và duy trì tỷ lệ mất cân đối tài khoản vãng lai ở mức có thể chấp nhận được.

Tất cả những điều này diễn dịch ra một thay đổi cơ bản để đối phó với các thực tế mới trong quản trị tài chính quốc tế:

- Xác định các yếu kém về cấu trúc trong các thị trường tài chính toàn cầu;

- Cải cách kiến trúc tài chính quốc tế;

- Đòi hỏi áp dụng các cải cách trong hệ thống tài chính toàn cầu.

4. Hướng cải cách hệ thống tài chính quốc tế nhằm phòng ngừa rủi ro phát sinh trong tương lai

- Cải cách hệ thống tài chính sẽ ngăn không cho khủng hoảng tương tự xảy ra trong tương lai; rà soát kỹ hệ thống tài chính toàn cầu nhằm đảm bảo phát triển ổn định; các phương pháp và chỉ dẫn nhằm giúp cho các quốc gia phòng ngừa nợ nần và các cuộc khủng hoảng tài chính.

- Quy định quốc tế kiểm soát hoạt động của các quỹ đầu cơ, các ngân hàng đầu tư và các định chế có hoạt động đòn bẩy quá mức, các trung tâm vốn hải ngoại, thị trường tiền tệ và giao dịch phái sinh; kiểm soát vốn và cố định hoặc ổn định nội tệ.

- Quy định kiểm soát các tổ chức đánh giá tín nhiệm; cải cách hệ thống ra quyết định tại IMF để cho các nước đang phát triển có thể có tiếng nói bình đẳng trong chính sách và các quy trình của các định chế mà trước đây được quyết định

Tái cấu trúc & Mô hình tăng trưởng

mới nền kinh tế và xã hội của các định chế đó.

B. NỘI DUNG QUAN TRỌNG CỦA TÁI CẤU TRÚC

Các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo

- Hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu chưa được khắc phục hoàn toàn, khả năng phục hồi theo dự báo sẽ bắt đầu trong vòng vài ba năm tới.

- Hậu khủng hoảng kinh tế sẽ mở ra nhiều cơ hội để VN tái cấu trúc kinh tế - tài chính theo hướng toàn cầu hoá. Tái cấu trúc đó, chính là sự kết cấu lại toàn diện cơ cấu kinh tế và xác lập lại mặt bằng kinh tế mới trên cơ sở công nghệ hiện đại và kiến thức - kỹ năng quản trị quốc tế.

- Tái cấu trúc kinh tế và tái cấu trúc các quan hệ tài chính - thị trường là điểm mấu chốt, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; bởi tính bức xúc, nhạy cảm và tác động tích cực của nó đến toàn bộ quá trình tái cấu trúc kinh tế, tăng trưởng và phát triển kinh tế ở VN.

1. Tái cấu trúc các quan hệ tài chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả và giảm nhập siêu, đầu tư công hợp lý và có hiệu quả, giảm bội chi ngân sách v.v..

- Chính sách tài khoá: Giảm bội chi ngân sách, tiến tới mức <5% GDP trong năm 2011; giảm biên chế, giảm mạnh chi tiêu hành chính, đầu tư công, phải bảo đảm hiệu quả và có tính đột phá; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng lực hiệu lực quản lý nhà nước và thúc đẩy cạnh tranh - phát triển nền kinh tế.

Phân bổ vốn phải bảo đảm nguyên tắc tập trung, hiệu quả, chống dàn trải, thất thoát, lãng phí; đồng thời xử lý nghiêm khắc

những trường hợp vi phạm, không đúng mục đích, kém hiệu quả, chấn chỉnh mạnh các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, giảm tình trạng nợ đọng, kiên quyết loại bỏ những dự án không đủ thủ tục đầu tư, kiên quyết không bố trí vượt tổng mức đầu tư dự án... v.v..

- Chính sách tiền tệ: Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng theo hướng mở rộng qui mô về vốn, hình thành một số tập đoàn tài chính - ngân

thanh toán những mặt hàng thiết yếu về cơ bản vẫn đáp ứng đầy đủ.

Biến động tỷ giá ngoại hối là rào cản lớn nhất cho sự phát triển sản xuất - kinh doanh, theo sau là chi phí vận chuyển, giao nhận, lưu kho, chính sách về thương mại Nhà nước v.v.. Vấn đề quan trọng là chính sách điều hành thị trường ngoại hối và tỷ giá linh hoạt trong mối quan hệ với lãi suất, lạm phát, cán cân thương mại và các kênh



hàng mạnh, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng khu vực và quốc tế.

Điều hành tỷ giá cần quan tâm và hoàn thiện theo hướng tăng tính linh hoạt của tỷ giá; sử dụng công cụ của tỷ giá để điều tiết quan hệ cung - cầu ngoại tệ, tiến tới thu hẹp khoảng cách giữa tỷ giá công bố và tỷ giá thị trường, tăng dự trữ ngoại hối cho Nhà nước và đảm bảo cân đối ngoại tệ cho nền kinh tế. Từ năm 2008, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã nới lỏng biên độ tỷ giá +1% lên +2%; trong năm 2009, đã 2 lần điều chỉnh biên độ tỷ giá, lên +3% từ ngày 6/11/2008, lên +5% từ ngày 23/3/2009. Tỷ giá có biến động trong năm 2010, nhưng ở trong tầm kiểm soát và đi dần vào ổn định, nhu cầu ngoại tệ trong

đầu tư khác phải góp phần bình ổn tỷ giá, hỗ trợ lãi suất và cán cân thanh toán quốc gia.

Nâng cao vai trò điều tiết của Ngân hàng Trung ương để góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, hạ thấp lãi suất tín dụng, kiềm chế lạm phát. Điều hành chính sách tiền tệ và chính sách linh hoạt tỷ giá hối đoái, vì mục tiêu ổn định kinh tế, theo nguyên tắc kinh tế - thị trường. Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật và ngăn chặn việc hình sự hoá các hoạt động ngân hàng.

2. Tái cấu trúc cơ cấu kinh tế đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, công nghiệp hoá đất nước.

Khẩn trương chuyển đổi mô hình tăng trưởng - tái cấu trúc

nền kinh tế chủ yếu từ khai thác tài nguyên, vốn và lao động chất lượng thấp, giá rẻ - sang “phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững”. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức (Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI):

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy đầu tư cho nông nghiệp, kinh tế vùng biển để làm chỗ dựa vững chắc cho công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá hoàn thành cơ bản vào năm 2020.

- Xác lập tương quan hợp lý giữa đầu tư theo chiều rộng và đầu tư theo chiều sâu để tạo cơ sở phát triển công nghệ hiện đại, vừa đột phá vừa bền vững cho phát triển nền kinh tế quốc dân.

- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư của các tập đoàn và tổng công ty Nhà nước theo nguyên tắc đầu tư tập trung, có hiệu quả, phải bảo đảm nhiệm vụ kinh doanh chính yếu.

- Chọn lọc và tiếp nhận đầu tư nước ngoài theo xu hướng phát triển công nghệ cao, nhu cầu lớn như đầu tư kinh tế vùng biển và tiếp nhận trình độ quản lý hiện đại.

3. *Tái cấu trúc các quan hệ thị trường, phát triển thị trường đồng bộ, hiệu quả theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.*

- Tạo thế cân đối mới giữa thị trường quốc tế và thị trường nội địa, hướng ưu tiên mở rộng thị trường nội địa và khuyến khích người VN dùng hàng VN – đi liền với không

chế nhập khẩu và giảm nhập siêu.

- Chỉ đạo và quản lý thị trường chứng khoán phù hợp quy luật và theo thông lệ quốc tế, tôn trọng nguyên tắc công khai, minh bạch và thị trường hoá.

- Chấn chỉnh thị trường bất động sản để bảo đảm đất đai là “sở hữu toàn dân”, kết hợp giữa kinh doanh, bảo đảm an sinh cộng đồng.

- Đẩy mạnh cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, mở rộng và hoàn chỉnh thị trường tài chính, từng bước quốc tế hoá các quan hệ tài chính trong thị trường nội địa.

4. *Nội dung cơ bản của tái cấu trúc hệ thống ngân hàng – thúc đẩy cạnh tranh và phát triển bền vững.*

Trên cơ sở thực hiện các tái cấu trúc trên:

- i/ Tái cấu trúc các quan hệ tài chính;

- ii/ Tái cấu trúc cơ cấu kinh tế đầu tư;

- iii/ Tái cấu trúc các quan hệ thị trường v.v.. – nền tảng của hoạt động kinh doanh và quản lý – cần khẩn trương tái cấu trúc hệ thống tài chính – ngân hàng theo hướng:

Tái cấu trúc đó, về cơ bản và lâu dài, là sự kết cấu lại toàn diện cơ cấu kinh tế và xác lập lại mặt bằng kinh tế mới trên cơ sở mô hình kinh tế mới, công nghệ - kỹ thuật hiện đại và kiến thức – kỹ năng quản trị quốc tế.

Trong đó, tái cấu trúc các quan hệ tài chính và thị trường – tái cấu trúc nền tài chính quốc gia trên cơ sở tái cấu trúc nền kinh tế và hệ thống quản trị đất nước là điểm mấu chốt, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; vừa lâu dài, vừa trước mắt, bởi tính bức xúc, nhạy cảm và tác động tích cực của nó đến toàn bộ quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế và kiềm chế lạm phát ở VN.

Hướng tới những vấn đề trung tâm là:

- i/ Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng với nòng cốt xây dựng một số tập đoàn tài chính – ngân hàng tầm cỡ khu vực và quốc tế;

- ii/ Một hệ thống ngân hàng đa năng, hiện đại đủ sức cạnh tranh và phát triển - nâng cao năng lực tài chính – thu hút vốn trong nước và ngoài nước;

- iii/ Trang bị công nghệ thông tin hiện đại, đủ sức phát triển sản phẩm đa tiện ích, liên kết, hợp tác quốc tế;

- iv/ Đào tạo đội ngũ cán bộ thích ứng với giai đoạn phát triển mới;

- v/ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và chuẩn hoá quốc tế các hoạt động ngân hàng.

Trên cơ sở đó, phải kiên trì mục tiêu chiến lược: xây dựng và phát triển hệ thống ngân hàng mạnh, đa năng, hiện đại đạt tầm cỡ khu vực và quốc tế để đủ sức thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Phải kiên định con đường: “tích tụ - tập trung – phát triển” theo định hướng “hiệu quả - an toàn – bền vững”, thông qua chiến lược tổng thể và các chiến lược bộ phận như:

- i/ Chiến lược tài chính và tăng năng lực tài chính;

- ii/ Chiến lược công nghệ ngân hàng;

- iii/ Chiến lược kinh doanh – huy động/ cho vay;

- iv/ Chiến lược sản phẩm, dịch vụ;

- v/ Chiến lược kênh phân phối;

- vi/ Chiến lược nguồn nhân lực;

- vii/ Chiến lược quản trị - điều hành v.v..

Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng bền vững,

Tái cấu trúc & Mô hình tăng trưởng

- Giảm nhập siêu, giảm bội chi ngân sách, cắt giảm đầu tư công hợp lý và có hiệu quả...v.v.,

- Khắc phục quá trình gia tăng thấp của lĩnh vực xuất khẩu, sự mất giá đồng tiền, cầu nội địa gia tăng v.v. sẽ làm tăng thêm sự thâm hụt thương mại,

- Đặt cạnh tranh vào vị trí trung tâm,

- Phát triển các cụm ngành sản xuất như dệt may, du lịch môi trường, điện tử - cơ khí, kinh tế vùng biển, công nghiệp chế biến ...

- Coi trọng vai trò và phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao vai trò của Chính phủ tạo dựng lợi thế cho nền kinh tế,

- Hiện đại hoá quản trị, nhất là DN nhà nước, tập đoàn kinh tế... v.v..

- Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, ưu tiên kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

- Kiên quyết sử dụng đúng đắn dòng vốn lớn đổ vào nền kinh tế, nhất quán khắc phục tình trạng nói lỏng “hay không thắt chặt đúng mức” chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá đã gây áp lực nặng nề lên lạm phát và hậu quả phát triển của những năm sau.

5. Cải cách triệt để quản trị - điều hành hệ thống ngân hàng và hệ thống hành chính các cấp, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở.

Trước mắt, cần tập trung giải quyết 3 mặt cốt lõi: thể chế, chính sách; nguồn nhân lực chất lượng cao; kết cấu hạ tầng đồng bộ - thể hiện chủ yếu trên các mặt:

- Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; kiềm chế lạm phát; từng bước hoàn chỉnh thể chế

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Thực hiện chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả, tạo nền tảng cho một nước CN; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, các vùng kinh tế trọng điểm;

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu;

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp, chính sách tạo việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân;

- Mở rộng và tranh thủ các quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập - tăng trưởng - phát triển;

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của hệ thống hành chính các cấp.

Thế giới có thể vượt qua 3 thách thức lớn như: nguồn cung cấp dầu, khủng hoảng nợ công Mỹ và châu Âu, hậu quả các trận động đất, môi trường và sóng thần. Mặt khác, xuất hiện một thách thức trung và dài hạn nữa là thâm hụt ngân sách, nợ công của Mỹ, châu Âu và một số nước phát triển khác. Đến năm 2035, nợ công tại các nước phát triển sẽ chiếm 200% GDP - hiện tại mức 70%. Nợ công của Mỹ đã lên mức 14.000 tỷ USD và đang có xu hướng tiếp tục tăng, có thể dẫn tới thách thức lớn cho sự ổn định kinh tế toàn cầu, nếu không có hành động tập thể phù hợp kịp thời●

Các giải pháp chuyển dịch cơ cấu đầu tư kinh tế TP.HCM theo hướng cạnh tranh khu vực và quốc tế

**GSTS N.T.T
& TS VÕ KHẮC THƯỜNG**

1. Vị thế của TP.HCM

TP.HCM – trung tâm kinh tế - XH đa phương diện.

TP.HCM từ xưa đã có vị trí ưu thế trong phát triển kinh tế, đồng thời là một đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng. Ngày nay vị thế đó ngày càng được nâng cao trong xu thế hội nhập toàn cầu, bởi “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, với vị trí trung tâm của khu vực Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng DBSCL – vựa lúa quốc gia và tương lai sẽ là vùng kinh tế phát triển toàn cầu. Bằng những lợi thế đó, Thành phố HCM đã trở thành 1 trung tâm “đa năng”:

Trung tâm công nghiệp: TP.HCM là trung tâm CN quốc gia và kết cấu CN đa dạng gồm các ngành CN công nghệ cao đến các ngành CN truyền thống đang trên

